

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HC - PT

Ngày: 05 – 7 - 2018

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành
chính và yêu cầu bồi thường thiệt hại
do quyết định hành chính, hành vụ
hành chính gây ra*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Như Hiền

Các Thẩm phán: Ông Dương Thế Vinh

Ông Ong Thân Thắng

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Hoàng Đức Trình - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 01/2018/TLPT-HC ngày 02 tháng 01 năm 2018 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 05/2017/HCST ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2017/QĐ-PT ngày 02 tháng 3 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2018/QĐPT – HC ngày 22/03/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2018/QĐPT – HC ngày 18/4/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2018/QĐPT – HC ngày 15/5/2018/2018 giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:**

1. Ông Đặng Văn K1, sinh năm 1968 (có mặt);
 2. Ông Đặng Văn T1, sinh năm 1978 (vắng mặt);
 3. Ông Lê Văn T2, sinh năm 1965 (có mặt);
 4. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1961 (có mặt);
- Cùng địa chỉ: Thôn AT, xã CS, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

*** Người đại diện theo ủy quyền của Ông Đặng Văn T1:** Bà Lương Thị H2, sinh năm 1981 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn AT, xã CS, huyện L, tỉnh Bắc Giang, có mặt.

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:** Ông Nguyễn Hữu S1, bà Nguyễn Thị H3; ông Nguyễn Anh T3 – Luật sư Công ty luật trách nhiệm hữu hạn ĐN thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội (ông Nguyễn Anh T3 có mặt, Ông Nguyễn Hữu S1 bà Nguyễn Thị H3 vắng mặt).

*** Người bị kiện:** UBND huyện L, tỉnh Bắc Giang, do ông Nguyễn Đức T4 - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện L đại diện theo ủy quyền (vắng mặt).

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:** Ông Trần Văn C1 – Phó Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện L (có mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Trương Thị V1, sinh năm 1972 (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trương Thị V1: Ông Đặng Văn K1, sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn AT, xã CS, huyện L, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

2. Bà Lương Thị H2, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn AT, xã CS, huyện L, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

3. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1970 (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Ly: Ông Lê Văn T2, sinh năm 1965; Địa chỉ: Thôn AT, xã CS, huyện L, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

4. Bà Nguyễn Thị Minh T5, sinh năm 1961 (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Minh Thúy: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1961; Địa chỉ: Thôn AT, xã CS, huyện L, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

*** Người làm chứng:** ông Nông Quốc H4 – Cán bộ địa chính xây dựng xã CS (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án hành chính sơ thẩm số 05/2017/HCST ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang thì nội dung vụ kiện như sau:

1. *Tại đơn khởi kiện ghi ngày 20/10/2014 bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản đối thoại và tại phiên tòa, ng*ười khởi kiện ông Đặng Văn K1 và là người đại diện theo ủy quyền của Bà Trương Thị V1 trình bày:

Theo sổ hộ khẩu gia đình ông được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp thì từ trước đến nay ông đứng tên chủ hộ gia đình; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông diện tích 629m², trong đó có 300m² đất ở và 329m² đất vườn đã được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ngày 06 tháng 10 năm 2000.

Nguồn gốc diện tích đất trên là vợ chồng ông được bố mẹ để ông giao. Trong quá trình sử dụng, vợ chồng ông thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với nhà nước.

Đến ngày 19/3/2013, ông nhận được Quyết định số 1079/QĐ-UBND ngày 22/10/2012 về việc thu hồi đất và Quyết định số 1087/QĐ-UBND ngày 24/10/2012 về việc phê duyệt phương án bồi thường GPMB (Đợt 2). Công trình: Cải tạo, nâng cấp ĐT 293, đoạn qua địa phận xã CS của UBND huyện L. Tại Quyết định số 1079/QĐ-UBND ngày 22/10/2012 không thu hồi đất của gia đình ông nhưng thực tế đã lấy diện tích của vợ chồng ông là 68,9m² đất ở nằm trong tổng diện tích 629m², trong đó có 300m² đất ở và 329m² đất vườn, cũng vì vậy mà Quyết định số 1087/QĐ-UBND ngày 24/10/2012 của UBND huyện L đã không bồi thường diện tích đất trên cho vợ chồng ông.

Lý do UBND huyện L không bồi thường cho vợ chồng ông diện tích 68,9m² đất ở nằm trong tổng diện tích 629m², ông được Ủy ban nhân dân huyện L giải thích là diện tích đất này đã cấp cho vợ chồng ông sử dụng chồng lên phần đất hành lang giao thông nên đến ngày 21/11/2013 Ủy ban nhân dân huyện L đã ra Quyết định số 3063/QĐ-UBND về việc thu hồi và hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 4 hộ gia đình, trong đó có vợ chồng ông. Sau đó UBND huyện L đã ra Quyết định số 247/QĐ-UBND ngày 02/4/2014 để thay thế Quyết định số 3063/QĐ-UBND 21/11/2013. Các quyết định này ông đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện L và Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết bằng một vụ kiện độc lập và đã được Tòa án hai cấp xét xử.

Đến nay UBND huyện L đã tiến hành thông báo bồi thường cho vợ chồng ông giá trị tài sản trên đất nhưng vợ chồng ông chưa nhận. Việc bồi thường này về tài sản trên đất vợ chồng ông không thắc mắc hay khiếu kiện, khiếu nại gì. Lý do vợ chồng ông chưa nhận là vì ông đề nghị Ủy ban nhân dân huyện L phải bồi thường diện tích 68,9m² đất ở cùng với việc bồi thường cho vợ chồng ông giá trị tài sản trên đất. Với tư cách là người khởi kiện, ông đề nghị Tòa án giải quyết tuyên hủy một phần Quyết định số 1087/QĐ-UBND ngày 24/10/2012 của UBND huyện L về việc phê duyệt phương án bồi thường GPMB (Đợt 2). Công trình: Cải tạo, nâng cấp ĐT 293, đoạn qua địa phận xã CS, huyện L vì quyết định trên là trái pháp luật. Và yêu cầu UBND huyện L phải ban hành quyết định bổ sung thu hồi đất và quyết định bồi thường đối với diện tích 68,9m² đất ở của vợ chồng ông bị lấy làm đường 293 nằm trong tổng diện tích 629m² đã UBND huyện L cấp ngày 06/10/2000.

Ông khẳng định, diện tích 68,9m² đất ở của vợ chồng ông nằm trong tổng diện tích 629m² đã UBND huyện L cấp ngày 06/10/2000 thì ngoài vợ chồng ông là

chủ sử dụng ra, không có liên quan gì đến các thành viên khác trong gia đình. Vì đây là tài sản chung của vợ chồng ông đã được UBND huyện L cấp ngày 06/10/2000 nhưng đến nay đã thu hồi để cấp lại nhưng vì đang có khiếu kiện, khiếu nại nên vợ chồng ông chưa được cấp lại, đến nay vợ chồng vẫn là người sử dụng, không liên quan đến các con hay các thành viên khác nên ông đề nghị Tòa án không đưa các con và thành viên nào khác vào tham gia tố tụng trong vụ án ngoài ông là người khởi kiện và vợ tôi là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã ủy quyền cho ông.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Ông Đặng Văn K1 thay đổi một phần yêu cầu bồi thường từ diện tích 68,9m² đất ở sang diện tích 128,9m² đất vườn và hỗ trợ từ 30% đến 70% giá trị diện tích đất bị thu hồi theo quy định của pháp luật. Ngoài sự thay đổi nêu trên, các yêu cầu khác ông vẫn giữ nguyên.

2. Tại đơn khởi kiện ghi ngày 20/10/2014, bản tự khai, biên bản lấy lời khai Ông Đặng Văn T1 là người khởi kiện và chị Lương Thị H2 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: Theo sổ hộ khẩu gia đình thì từ trước đến nay gia đình ông bà do Ông Đặng Văn T1 là chủ hộ; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông bà đối với diện tích 612m², trong đó có 300m² đất ở và 312m² đất vườn đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06 tháng 10 năm 2000. Nguồn gốc diện tích đất là do bố mẹ ông bà tách cho, sau đó được nhà nước công nhận quyền sử dụng.

Trong quá trình sử dụng từ khi được sang tên cho đến nay, vợ chồng ông bà thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước. Diện tích đất trên vợ chồng ông bà vẫn giữ nguyên hiện trạng, không coi lời thêm, đặc biệt về phía mặt đường 293. Việc UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích 612m² đất đứng tên vợ chồng ông bà, gia đình ông bà không có thắc mắc hay khiếu nại, khiếu kiện gì.

Đến ngày 19/3/2013, vợ chồng ông bà nhận được Quyết định số 1079/QĐ-UBND ngày 22/10/2012 về việc thu hồi đất và Quyết định số 1087/QĐ-UBND ngày 24/10/2012 về việc phê duyệt phương án bồi thường GPMB (Đợt 2). Công trình: Cải tạo, nâng cấp ĐT 293, đoạn qua địa phận xã CS của UBND huyện L. Tại Quyết định số 1079/QĐ-UBND ngày 22/10/2012 không thu hồi đất của gia đình ông bà nhưng thực tế đã lấy diện tích của vợ chồng ông bà là 69,8m² đất ở nằm trong tổng diện tích 612m², trong đó có 300m² đất ở và 312m² đất vườn, cũng vì vậy mà Quyết định số 1087/QĐ-UBND ngày 24/10/2012 của UBND huyện L đã không bồi thường diện tích đất trên cho vợ chồng ông bà.

Việc UBND huyện L đã lấy diện tích đất 69,8m² đất ở để mở rộng đường mà không có quyết định thu hồi, không thực hiện bồi thường đất mà chỉ bồi thường trị giá tài sản trên đất nên gia đình ông bà không đồng ý. Ông bà không thắc mắc gì về tài sản trên đất đã được bồi thường.

Nay được ông T1 là chồng ủy quyền tham gia tố tụng trong vụ án, bà H2 vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết tuyên hủy một phần Quyết định số 1087/QĐ-UBND ngày 24/10/2012 của UBND huyện L về việc phê duyệt phương án bồi thường GPMB (Đợt 2). Công trình: Cải tạo, nâng cấp ĐT 293, đoạn qua địa phận xã CS, huyện L vì quyết định trên là trái pháp luật. Và yêu cầu UBND huyện L phải ban hành quyết định bổ sung thu hồi đất và quyết định bồi thường đối với diện tích 69,8m² đất ở thuộc phía mặt đường tỉnh lộ 293 bị thu hồi nằm trong tổng diện tích 612m² đã UBND huyện L cấp ngày 06/10/2000.

Bà H2 khẳng định, diện tích 612m² đã được UBND huyện L cấp ngày 06/10/2000 thì, ngoài vợ chồng bà là chủ sử dụng ra, không có liên quan đến các thành viên nào khác trong gia đình. Vì đây là tài sản chung của vợ chồng bà không liên quan đến các con hay các thành viên khác nên bà đề nghị Tòa án không đưa các con và thành viên nào khác vào tham gia tố tụng trong vụ án ngoài chồng bà là người khởi kiện và bà là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Bà Lương Thị H2 thay đổi một phần yêu cầu bồi thường từ diện tích 69,8m² đất ở sang diện tích 131,m² đất vườn và hỗ trợ từ 30% đến 70% giá trị diện tích đất bị thu hồi theo quy định của pháp luật. Ngoài sự thay đổi nêu trên, các yêu cầu khác bà vẫn giữ nguyên.

3. Tại đơn khởi kiện ghi ngày 20/10/2014, bản tự khai, biên bản lấy lời khai Ông Lê Văn T2 là người khởi kiện và là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: Theo sổ hộ khẩu gia đình thì từ trước đến nay ông là chủ hộ; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông đối với diện tích 850m², trong đó có 300m² đất ở và 550m² đất vườn đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06 tháng 10 năm 2000. Nguồn gốc diện tích đất là do bố mẹ ông giao, sau đó được nhà nước công nhận quyền sử dụng.

Trong quá trình sử dụng từ đó cho đến nay, vợ chồng ông thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước. Diện tích đất trên vợ chồng ông vẫn giữ nguyên hiện trạng, không coi lời thêm, đặc biệt về phía mặt đường. Việc UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích 850m² đất đứng tên ông, gia đình ông không có thắc mắc hay khiếu nại, khiếu kiện gì.

Đến ngày 19/3/2013, ông nhận được Quyết định số 1079/QĐ-UBND ngày 22/10/2012 về việc thu hồi đất và Quyết định số 1087/QĐ-UBND ngày 24/10/2012 về việc phê duyệt phương án bồi thường GPMB (Đợt 2). Công trình: Cải tạo, nâng cấp ĐT 293, đoạn qua địa phận xã CS của UBND huyện L. Tại Quyết định số 1079/QĐ-UBND ngày 22/10/2012 không thu hồi đất của gia đình ông nhưng thực tế đã lấy diện tích của vợ chồng ông là 219,9m² đất ở nằm trong tổng diện tích 850m² đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận ngày 06 tháng 10 năm 2000. Cũng vì vậy mà Quyết định số 1087/QĐ-UBND ngày 24/10/2012 của UBND huyện L đã không bồi thường diện tích đất trên cho vợ chồng ông.

Đến nay UBND huyện L đã tiến hành bồi thường cho vợ chồng ông diện tích 65,68m² với giá đất ruộng không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giá trị tài sản trên đất. Việc bồi thường này vợ chồng ông không thắc mắc hay khiếu kiện, khiếu nại gì.

Với tư cách là người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết tuyên hủy một phần Quyết định số 1087/QĐ-UBND ngày 24/10/2012 của UBND huyện L về việc phê duyệt phương án bồi thường GPMB (Đợt 2). Công trình: Cải tạo, nâng cấp ĐT 293, đoạn qua địa phận xã CS, huyện L vì quyết định trên là trái pháp luật. Và yêu cầu UBND huyện L phải ban hành quyết định bổ sung thu hồi đất và quyết định bồi thường đối với diện tích 219,9m² đất ở thuộc phía mặt đường tỉnh lộ 293 bị thu hồi nằm trong tổng diện tích 850m², trong đó có 300m² đất ở và 550m² đất vườn đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06 tháng 10 năm 2000.

Ông khẳng định là diện tích 850m² đã UBND huyện L cấp ngày 06/10/2000 thì ngoài vợ chồng ông là chủ sử dụng ra, không có liên quan gì đến các thành viên khác trong gia đình. Vì đây là tài sản chung của vợ chồng ông không liên quan đến các con hay các thành viên khác nên ông đề nghị Tòa án không đưa các con và thành viên nào khác vào tham gia tố tụng trong vụ án ngoài ông là người khởi kiện và vợ ông là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Ông Lê Văn T2 thay đổi một phần yêu cầu bồi thường từ diện tích 219,9m² đất ở sang diện tích 531,9m² đất vườn và hỗ trợ từ 30 đến 70% giá trị diện tích đất bị thu hồi theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, các yêu cầu khác ông vẫn giữ nguyên.

4. Tại đơn khởi kiện ghi ngày 20/10/2014, bản tự khai, biên bản lấy lời khai Ông Nguyễn Văn H1 là người khởi kiện và là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: Theo sổ hộ khẩu gia đình thì từ

trước đến nay ông là chủ hộ; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông đối với diện tích 438m², trong đó có 300m² đất ở và 138m² đất vườn đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06 tháng 10 năm 2000. Nguồn gốc diện tích đất là do vợ chồng ông quản lý, sử dụng từ năm 1979, 1980, đến năm 1988 được chính quyền địa phương cho phép làm đất ở và sử dụng từ đó cho đến nay được nhà nước công nhận quyền sử dụng.

Trong quá trình sử dụng, vợ chồng ông thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước. Diện tích đất trên vợ chồng ông vẫn giữ nguyên hiện trạng, không coi lời thêm, đặc biệt về phía mặt đường. Việc UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích 438m² đất đứng tên ông, gia đình ông không có thắc mắc hay khiếu nại, khiếu kiện gì.

Đến ngày 19/3/2013, ông nhận được Quyết định số 1079/QĐ-UBND ngày 22/10/2012 về việc thu hồi đất và Quyết định số 1087/QĐ-UBND ngày 24/10/2012 về việc phê duyệt phương án bồi thường GPMB (Đợt 2). Công trình: Cải tạo, nâng cấp ĐT 293, đoạn qua địa phận xã CS của huyện L. Tại Quyết định số 1079/QĐ-UBND ngày 22/10/2012 không thu hồi đất của gia đình ông nhưng thực tế đã lấy diện tích của vợ chồng ông là 79,5m² đất ở nằm trong tổng diện tích 438m² đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận ngày 06 tháng 10 năm 2000. Cũng vì vậy mà Quyết định số 1087/QĐ-UBND ngày 24/10/2012 của UBND huyện L đã không bồi thường diện tích đất trên cho vợ chồng ông.

Đến nay UBND huyện L đã tiến hành bồi thường cho vợ chồng ông diện tích 2,26m² với giá đất ở là 600.000đ/1m² nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì theo ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện L đây là diện tích đất vượt quá mốc giới hành lang giao thông 14m và giá trị tài sản trên đất cho vợ chồng ông. Việc bồi thường này vợ chồng ông không thắc mắc hay khiếu kiện, khiếu nại gì.

Với tư cách là người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết tuyên hủy một phần Quyết định số 1087/QĐ-UBND ngày 24/10/2012 của UBND huyện L về việc phê duyệt phương án bồi thường GPMB (Đợt 2). Công trình: Cải tạo, nâng cấp ĐT 293, đoạn qua địa phận xã CS, huyện L vì quyết định trên là trái pháp luật. Và yêu cầu UBND huyện L phải ban hành quyết định bổ sung thu hồi đất và quyết định bồi thường đối với diện tích 79,5m² đất ở thuộc phía mặt đường tỉnh lộ 293 bị thu hồi nằm trong tổng diện tích 438m², trong đó có 300m² đất ở và 138m² đất vườn đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06 tháng 10 năm 2000.

Ông khẳng định là diện tích 438m² đã UBND huyện L cấp ngày 06/10/2000 thì ngoài vợ chồng ông là chủ sử dụng ra, không có liên quan gì đến các thành viên khác trong gia đình. Vì đây là tài sản chung của vợ chồng ông không liên quan đến các con hay các thành viên khác nên ông đề nghị Tòa án không đưa các con và thành viên nào khác vào tham gia tố tụng trong vụ án ngoài ông là người khởi kiện và vợ ông là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Ông Nguyễn Văn H1 thay đổi một phần yêu cầu bồi thường từ diện tích 79,5m² đất ở sang diện tích 135,6m² đất vườn và hỗ trợ từ 30% đến 70% giá trị diện tích đất bị thu hồi theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, các yêu cầu khác ông vẫn giữ nguyên.

5. UBND huyện L, tỉnh Bắc Giang, do ông Nguyễn Đức T4-Phó Chủ tịch UBND huyện đại diện theo ủy quyền trình bày: Diện tích đất của gia đình ông K1, ông T1, ông T2 và ông H1 yêu cầu bồi thường thuộc đất hành lang giao thông đường bộ tỉnh lộ 293 nên UBND huyện L đã thu hồi chung và giao cho các hộ gia đình, sau đó các ông bà đã khởi kiện UBND huyện L đề nghị hủy một phần Quyết định số 3063/QĐ-UBND ngày 21/11/2013 về việc thu hồi và hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho 4 hộ gia đình, sau đó UBND huyện L đã ra Quyết định số 247/QĐ-UBND ngày 02/4/2014 thay thế Quyết định số 3063/QĐ-UBND ngày 21/11/2013 về việc thu hồi và hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp. Vụ việc này đã được Tòa án hai cấp đưa ra xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Khoản, ông Tuấn, ông Tiến và ông Hữu đề nghị hủy bỏ một phần Quyết định số 247/QĐ-UBND ngày 02/4/2014 và cho đến nay Bản án số 10A/2015/HCPT về việc khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai của TAND tỉnh Bắc Giang đã có hiệu lực pháp luật.

Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định hành chính: Trước khi ban hành Quyết định thu hồi đất số 1079/QĐ-UBND ngày 24/10/2012 và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư số 1087/QĐ-UBND ngày 24/10/2012 UBND huyện L đã tiến hành triển khai tổ chức thực hiện thông báo thu hồi đất; Họp triển khai công tác bồi thường GPMB ĐT 293 tại UBND xã Cương Sơn; Họp phổ biến chế độ chính sách khi Nhà nước thu hồi đất cho các hộ có đất, tài sản trên đất bị thu hồi tại Thôn AT; Tổ chức cho hộ gia đình, cá nhân tự kê khai; Tiến hành kiểm kê hiện trạng về đất, tài sản hoa màu trên đất của hộ gia đình; Lập phương án dự kiến về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và công khai lấy ý kiến nhân dân về phương án tại nhà văn hóa các thôn, UBND xã; Kết thúc công khai tiến hành giải quyết các nội dung kiến nghị của nhân dân theo đơn, tiếp thu các kiến nghị đúng, hợp lý và điều chỉnh phương án trình Hội đồng GPMB huyện thẩm

định hồ sơ thu hồi đất, phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Trình UBND huyện quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là đảm bảo quy định của pháp luật.

Về thẩm quyền ban hành quyết định: UBND huyện L ban hành Quyết định thu hồi đất số 1079/QĐ-UBND ngày 24/10/2012 và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng số 1087/QĐ-UBND ngày 24/10/2012 là đúng quy định tại Điều 44 Luật đất đai 2003.

Về yêu cầu của ông Khoản đề nghị bồi thường đối với diện tích 68,9m² đất ở; ông Tuấn bà Hiền yêu cầu bồi thường đối với diện tích 69,8 m² đất ở; ông Tiên yêu cầu bồi thường đối với diện tích 219,9 m² đất ở và ông Hữu yêu cầu bồi thường đối với diện tích 79,5 m² đất ở bị thu hồi theo quy định và đề nghị hủy một phần Quyết định 1087/QĐ-UBND ngày 24/10/2012 của UBND huyện L, tỉnh Bắc Giang, quan điểm của ông là không đồng ý vì toàn bộ diện tích đất bị thu hồi của các hộ nằm hoàn toàn trong hành lang an toàn giao thông đường bộ tỉnh lộ 293 đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định từ năm 1982 theo Nghị định số 203/NĐ-HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng bộ trưởng. Đến năm 1983 UBND tỉnh Hà Bắc đã ban hành Chỉ thị số 13 về việc thực hiện Nghị định đối với quốc lộ tỉnh lộ trên địa bàn tỉnh, trong đó có tỉnh lộ 293. Đến năm 1995 cơ quan nhà nước có thẩm quyền bắt đầu tiến hành cấm mốc lộ giới tỉnh lộ 293. Việc thực hiện này do Công ty quản lý đường bộ thuộc Sở giao thông Bắc Giang thực hiện. Việc triển khai cấm mốc được thực hiện công khai và thông báo, tuyên truyền để nhân dân dọc hai bên tuyến đường tỉnh lộ 293 được biết và chấp hành phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông theo quy định.

Đến ngày 06/10/2000, vợ chồng ông K1 được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đối với diện tích 629m², trong đó có 300m² đất ở và 329m² đất vườn; vợ chồng ông T1 UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 612m², trong đó có 300m² đất ở và 312m² đất vườn; vợ chồng ông T2 được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 850m², trong đó có 300m² đất ở và 550m² đất vườn và vợ chồng ông H1 được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 438m², trong đó có 300m² đất ở và 138m² đất vườn.

Trong quá trình kiểm kê, lập hồ sơ thu hồi đất và phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án mở rộng đường tỉnh lộ 293, UBND huyện L đã tiến hành kiểm tra, rà soát và đối chiếu với các quy định nêu trên, UBND huyện phát hiện thấy việc các hộ kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng các diện tích đất nêu trên là không đúng quy định về hành

lang an toàn giao thông đường bộ tỉnh lộ 293 nên UBND huyện đã ra Quyết định số 247/QĐ-UBND ngày 02/4/2014 về việc thu hồi và hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho 4 hộ gia đình nêu trên.

Căn cứ vào thực tế sử dụng đất của 4 hộ gia đình nêu trên, đặc biệt là trong quá trình xây dựng các công trình trên đất, các hộ gia đình đều ý thức được phạm vi hành lang an toàn giao thông đường tỉnh lộ 293 theo Nghị định số 203/NĐ-HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng và đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấm mọc lộ giới trên đường tỉnh lộ 293 nên các hộ chỉ trồng cây ăn quả và tường bao để bảo vệ cây cối, còn các công trình nhà cửa các hộ đều ý thức và xây cách hành lang đường giao thông một khoảng cánh nhất định.

Về phương án tính toán bồi thường giải phóng mặt bằng đối với các hộ như sau:

Hộ gia đình Ông Đặng Văn K1, tại số thửa 28 tờ bản đồ trích đo hiện trạng phục vụ GPMB số 7, có tổng diện tích trích đo cả thửa là 619,2 m² (trong đó: Phần diện tích đất hành lang ATGT là 120,9 m², phần diện tích được công nhận theo thực tế sử dụng là 498,3 m²); phần diện tích thực hiện dự án là 68,9 m² nằm hoàn toàn trong hành lang an toàn giao thông đường bộ.

Hộ gia đình Ông Đặng Văn T1, tại số thửa 24 tờ bản đồ trích đo hiện trạng phục vụ GPMB số 7, có tổng diện tích trích đo cả thửa là 599,6 m² (trong đó: Phần diện tích đất hành lang ATGT là 131,4 m², phần diện tích được công nhận theo thực tế sử dụng là 468,2 m²); phần diện tích thực hiện dự án là 69,8 m² nằm hoàn toàn trong hành lang an toàn giao thông đường bộ.

Hộ gia đình Ông Lê Văn T2 tại số thửa 10 tờ bản đồ trích đo hiện trạng phục vụ GPMB số 8, có tổng diện tích trích đo cả thửa là 1381,3 m² (trong đó: gồm đất hành lang an toàn giao thông, đất ở và đất vườn và một phần đất khai hoang trồng cây hàng năm); phần diện tích thực hiện dự án là 285,6 m² (219,9 m² nằm hoàn toàn trong hành lang an toàn giao thông đường bộ; đối với 65,7 m² nằm trong phần diện tích đất gia đình khai hoang trồng cây hàng năm được tính bồi thường, hỗ trợ theo quy định).

Hộ gia đình Ông Nguyễn Văn H1, tại số thửa 14 tờ bản đồ trích đo hiện trạng phục vụ GPMB số 7, có tổng diện tích trích đo cả thửa là 487,2 m² (trong đó: Phần diện tích đất hành lang ATGT là 135,6 m², phần diện tích được công nhận theo thực tế sử dụng là 351,6 m²); phần diện tích thực hiện dự án là 86,46 m² (77,2 m² nằm hoàn toàn trong hành lang an toàn giao thông đường bộ; đối với diện tích 2,26 m² nằm ngoài hành lang an toàn giao thông được tính bồi thường, hỗ trợ theo quy định).

Căn cứ khoản 1 Điều 42, Luật Đất đai năm 2003; Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính Phủ quy định: Đối với phần diện tích đất không nằm trong GCNQSD đất của hộ gia đình, cá nhân, khi Nhà nước thu hồi đất sẽ không được bồi thường về đất; Căn cứ khoản 1 Điều 43 Luật đất đai 2003, Điều 7 của Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính Phủ, mục 2 Công văn số 3061/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 28/9/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, mục 1 Công văn số 1071/TNMT-KHTC ngày 18/11/2011 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang quy định: Đối với diện tích đất trong hành lang an toàn đường bộ đã được giải tỏa và đã được quản lý thì không được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất.

UBND huyện L không đồng ý với yêu cầu của ông K1 đề nghị bồi thường đối với diện tích 68,9m² đất ở; ông T1 bà H2 yêu cầu bồi thường đối với diện tích 69,8 m² đất ở; ông T2 yêu cầu bồi thường đối với diện tích 219,9 m² đất ở và ông H1 yêu cầu bồi thường đối với diện tích 79,5 m² đất ở bị thu hồi theo quy định và đề nghị hủy một phần Quyết định 1087/QĐ-UBND ngày 24/10/2012 của UBND huyện L.

Vì vậy, Quyết định thu hồi đất số 1079/QĐ-UBND ngày 22/10/2012 của UBND huyện L và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư số 1087/QĐ-UBND ngày 24/10/2012 của UBND huyện L được ban hành là đúng thẩm quyền, đúng trình tự và thủ tục pháp luật đã quy định. Cũng vì vậy, việc những người khởi kiện yêu cầu bồi thường đối với các diện tích đất nêu trên là không có cơ sở nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện. Vì lý do công việc đơn vị bận, ông xin được vắng mặt tại các phiên đối thoại và phiên tòa xét xử vụ án.

6. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện Luật sư Nguyễn Anh T3 có quan điểm như sau: Các hộ gia đình đã được cấp giấy chứng nhận và sử dụng đất hợp pháp. Kể từ khi được giao quyền sử dụng đất các hộ gia đình sử dụng ổn định, không có tranh chấp và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với nhà nước. Do vậy việc UBND huyện L không bồi thường cho các hộ nêu trên là không đảm bảo quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 8 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ; khoản 4 Điều 4, Điều 14 và Điều 46 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ; Điều 14 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ, đề nghị HĐXX tuyên hủy một phần Quyết định số 1087/QĐ-UBND ngày 24/10/2012 của UBND huyện L liên quan đến 4 hộ gia đình ông K1, ông T1, ông T2 và ông H1; buộc UBND huyện L phải bồi thường cho vợ chồng K1 đối với diện tích 128,9m² đất vườn; ông T1 bà H2 đối với diện tích 131,4 m² đất vườn; ông T2

đôi với diện tích 531,9m² đất vườn và ông Hữu đôi với diện tích 135,6 m² đất vườn và hỗ trợ cho các hộ từ 30 đến 70% trị giá phần đất vườn đã bị thu hồi theo quy định.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 05/2017/HCST ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang đã quyết định, áp dụng: Điều 27, 28, 29, 131, 163, 164, 174 và 176 Luật tổ tụng hành chính 2010; Điều 157, 158, 164, 193, 194, 204, 205 và Điều 206 Luật tổ tụng hành chính 2015.

Áp dụng: Điều 44, 43 và 44 Đất đai năm 2003 được sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 8 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ; khoản 4 Điều 4, Điều 14 và Điều 46 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ; Điều 14 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Đặng Văn K1, Ông Đặng Văn T1, Ông Lê Văn T2 và Ông Nguyễn Văn H1.

Tuyên hủy một phần Quyết định số 1087/QĐ-UBND ngày 24/12/2012 của UBND huyện L về việc phê duyệt phương án bồi thường GPMB (Đợt 2). Công trình: Cải tạo, nâng cấp ĐT 293, đoạn qua địa phận xã CS, huyện L liên quan đến hộ Ông Đặng Văn K1, Ông Đặng Văn T1, Ông Lê Văn T2 và Ông Nguyễn Văn H1.

Buộc UBND huyện L phải bồi thường, hỗ trợ cho: Vợ chồng Ông Đặng Văn K1 và bà Trương Thị V1 số tiền là 4.919.400đ; vợ chồng Ông Đặng Văn T1 và Bà Lương Thị H2 số tiền là 4.983.800đ; vợ chồng Ông Lê Văn T2 và bà Nguyễn Thị L1 số tiền là 15.700.800đ và vợ chồng Ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị Minh T5 số tiền là 5.676.300đ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/10/2017, người khởi kiện là Ông Đặng Văn K1, Ông Đặng Văn T1, Ông Lê Văn T2 và Ông Nguyễn Văn H1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án số 05/2017/HCST ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang đề nghị TAND tỉnh Bắc Giang hủy bản án sơ thẩm và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

* Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 27/6/2018, người khởi kiện không rút yêu cầu khởi kiện, không rút yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

- Người bảo vệ quyền quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện Luật sư Nguyễn Anh T3 có quan điểm trình bày:

Người khởi kiện đã được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp. Kể từ khi được giao quyền sử dụng đất, các hộ gia đình sử dụng ổn định, không có tranh chấp và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với nhà nước. Do vậy bản án sơ thẩm do Tòa án nhân dân huyện L ban hành chưa đúng quy định của pháp luật. Do TAND huyện L không đưa UBND xã vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Tòa án đã không thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ xác minh nguồn gốc thời điểm bắt đầu sử dụng đất và quá trình sử dụng đất bị thu hồi. TAND huyện L đã không áp dụng đúng các quy định pháp luật đất đai qua các thời kỳ quy định về việc thu hồi và thực hiện bồi thường đất khi nhà nước thu hồi đất. Đặc biệt không áp dụng đúng quy định về việc áp dụng mức gia bồi thường hỗ trợ đối với đất vườn trong cùng thửa đất có nhà ở được quy định tại Điều 21 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ.

Căn cứ vào Điều 8 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ; khoản 4 Điều 4, Điều 14 và Điều 46 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ; Điều 14 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ, đề nghị HĐXX tuyên hủy một phần Quyết định số 1087/QĐ-UBND ngày 24/10/2012 của UBND huyện L liên quan đến 4 hộ gia đình ông K1, ông T1, ông T2 và ông H1; buộc UBND huyện L phải bồi thường cho vợ chồng K1 đối với diện tích 128,9m² đất vườn; ông T1 bà H2 đối với diện tích 131,4 m² đất vườn; ông T2 đối với diện tích 531,9m² đất vườn và ông H1 đối với diện tích 135,6 m² đất vườn và hỗ trợ cho các hộ từ 30 đến 70% trị giá phần đất vườn đã bị thu hồi theo quy định tại Điều 10 quyết định số 36/QĐ – UBND ngày 27/01/2011 của UBND tỉnh Bắc Giang.

- Ông Đặng Văn K1, Ông Đặng Văn T1, Ông Lê Văn T2 và Ông Nguyễn Văn H1 trình bày: Nhất trí ý kiến Luật sư và trình bày bổ sung nội dung UBND huyện L thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận của nhà các ông bà là không đúng quy định của pháp luật, lấy đất đã được Nhà nước cấp để làm đường tỉnh lộ 293 của nhà các ông bà mà không có quyết định thu hồi, không bồi thường đối với diện tích đất này là không đúng quy định của pháp luật. Bản án sơ thẩm xử buộc UBND huyện L bồi thường đất bị thu hồi với mức giá không phù hợp nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm buộc UBND huyện L bồi thường đất bị thu hồi theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày 05/7/2018, người khởi kiện đồng thời kháng cáo là Ông Đặng Văn K1, Ông Đặng Văn T1, Ông Lê Văn T2 và Ông Nguyễn Văn H1 thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, buộc UBND huyện L bồi thường đối với diện tích đất bị thu hồi theo đúng quy định của pháp luật và đề nghị Tòa án buộc UBND huyện L cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người khởi kiện theo quy định của pháp luật.

- *Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt đồng thời trình bày ý kiến:* Giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại cấp sơ thẩm, đồng ý với bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án Lục Nam đã xử, không đồng ý với kháng cáo của người khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện vì yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là không có căn cứ vì UBND huyện L ban hành Quyết định số 1087/QĐ-UBND ngày 24/12/2012 về việc phê duyệt phương án bồi thường GPMB (Đợt 2) Công trình cải tạo, nâng cấp ĐT 293 đoạn qua địa phận xã CS, huyện L liên quan đến hộ Ông Đặng Văn K1, Ông Đặng Văn T1, Ông Lê Văn T2 và Ông Nguyễn Văn H1 là đúng quy định của pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tại phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân thủ các quy định của pháp luật trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa:

Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Luật tổ tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của luật tổ tụng hành chính tại phiên tòa phúc thẩm.

Các đương sự thực hiện đúng quy định của Luật tổ tụng hành chính.

- Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, nghe thẩm vấn và tranh luận tại phiên tòa xét thấy Bản án sơ thẩm đã xem xét, đánh giá toàn diện vụ án, xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn K1, Ông Đặng Văn T1, Ông Lê Văn T2 và Ông Nguyễn Văn H1 là chưa đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử sửa Bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện đề nghị Tòa án hủy quyết định số 1087/QĐ – UBND ngày 12/10/2012 của UBND huyện L, tỉnh Bắc Giang (giữ nguyên quyết định này) và không buộc UBND huyện L, tỉnh Bắc Giang bồi thường cho người khởi kiện vì thẩm quyền quyết định bồi thường thuộc UBND huyện L.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

1.1 Thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 05/3/2014 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 20/10/2014 của Ông Đặng Văn K1, Ông Đặng Văn T1, Ông Lê Văn T2 và Ông Nguyễn Văn H1 đề nghị Tòa án xem

xét, giải quyết tuyên hủy một phần Quyết định số 1087/QĐ-UBND ngày 24/10/2012 của UBND huyện L liên quan đến 4 hộ gia đình ông K1, ông T1, ông T2 và ông H1; buộc UBND huyện L phải bồi thường cho vợ chồng K1 đối với diện tích 128,9m² đất vườn; ông T1 bà H2 đối với diện tích 131,4 m² đất vườn; ông T2 đối với diện tích 531,9m² đất vườn và ông H1 đối với diện tích 135,6 m² đất vườn và hỗ trợ cho các hộ từ 30 đến 70% trị giá phần đất vườn đã bị thu hồi theo quy định. Căn cứ Điều 28, Điều 29, Điều 103, Điều 104, Điều 105 Luật tổ tụng hành chính 2010 và khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật tổ tụng hành chính”, việc Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang thụ lý và xét xử vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính tại thời điểm giải quyết.

1.2 Tại giai đoạn phúc thẩm, ông Nguyễn Đức T4 là người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại cấp sơ thẩm. Do vậy, HĐXX phúc thẩm tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyễn Đức Toàn theo quy định tại Điều 158 của Luật tố tụng hành chính.

1.3 Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo thay đổi một phần nội dung kháng cáo. Cụ thể: Ông Đặng Văn K1, Ông Đặng Văn T1, Ông Lê Văn T2 và Ông Nguyễn Văn H1 rút yêu cầu kháng cáo đề nghị hủy Bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc UBND huyện L bồi thường đối với diện tích đất của người khởi kiện bị thu hồi để làm đường tỉnh lộ 293 theo đúng quy định của pháp luật. Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ Điều 220 Luật tố tụng hành chính quy định về phạm vi xét xử phúc thẩm để xem xét lại phần bản án của Tòa án cấp sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị hoặc có liên quan đến nội dung kháng cáo kháng nghị.

[2]. Xét kháng cáo của người khởi kiện thấy rằng:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên thấy: Người khởi kiện trong vụ án là Ông Đặng Văn K1, Ông Đặng Văn T1, Ông Lê Văn T2 và Ông Nguyễn Văn H1 đề nghị Tòa án có thẩm quyền giải quyết các yêu cầu sau:

Thứ nhất: Buộc UBND huyện L ban hành quyết định thu hồi đối với phần diện tích đất của người khởi kiện đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị UBND huyện L lấy làm hành lang đường giao thông tỉnh lộ 293 nhưng không có quyết định thu hồi đất.

Thứ hai: Vì Quyết định số 1087/QĐ-UBND ngày 24/10/2012 của UBND huyện L thể hiện nội dung không bồi thường đối với diện tích đất thu hồi của người khởi kiện nên đề nghị Tòa án hủy phần nội dung của Quyết định này liên

quan đến người khởi kiện. Buộc UBND huyện L bồi thường theo quy định của pháp luật đối với diện tích đất đã lấy của người khởi kiện để làm đường tỉnh lộ 293.

Thứ ba: Đề nghị UBND huyện L cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất còn lại của người khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Tuy vậy, Vì Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác định đầy đủ các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện nên Bản án sơ thẩm đã không giải quyết triệt để các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện theo quy định của pháp luật; cụ thể, Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết yêu cầu của người khởi kiện đề nghị Tòa án buộc UBND huyện L ban hành quyết định thu hồi đối với diện tích đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người khởi kiện để làm đường tỉnh lộ 293 dẫn đến Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 3 và khoản 1 Điều 193 Luật tố tụng hành chính.

Cũng do không xác định rõ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện cũng như thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết yêu cầu của người khởi kiện vượt quá thẩm quyền giải quyết của Tòa án trong tố tụng hành chính. Cụ thể: Bản án sơ thẩm của Tòa án cấp sơ thẩm buộc UBND huyện L bồi thường cho người khởi kiện với số tiền nhất định phần đất bị lấy làm đường tỉnh lộ 293 là không đúng quy định của pháp luật bởi lẽ đây không phải vấn đề bồi thường thiệt hại do quyết định hành chính, hành vi hành chính gây ra theo quy định tại Điều 7 Luật tố tụng hành chính. Thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường đối với đất bị thu hồi là của UBND cấp có thẩm quyền. Trường hợp này, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định buộc UBND huyện L bồi thường đối với đất của người khởi kiện bị lấy làm đường tỉnh lộ 293 khi UBND huyện L chưa có quyết định thu hồi đối với đất này là không đúng quy định của pháp luật.

Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét, đánh giá toàn diện tính hợp pháp của Quyết định số 1087/QĐ-UBND ngày 24/10/2012 của UBND huyện L theo quy định tại khoản 3 Điều 191 Luật tố tụng hành chính nên không chỉ ra được Quyết định 1087/QĐ-UBND ngày 24/10/2012 của UBND huyện L bị khởi kiện bất hợp pháp ở điểm nào do vậy, chưa có căn cứ để Tòa án cấp sơ thẩm quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, hủy một phần Quyết định số 1087/QĐ-UBND ngày 24/12/2012 của UBND huyện L về việc phê duyệt phương án bồi thường GPMB (Đợt 2). Công trình cải tạo, nâng cấp ĐT 293, đoạn qua địa phận xã CS, huyện L liên quan đến hộ Ông Đặng Văn K1, Ông Đặng Văn T1, Ông Lê Văn T2 và Ông Nguyễn Văn H1.

Những vi phạm, thiếu sót này của Tòa án cấp sơ thẩm là nghiêm trọng, Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần chấp nhận một phần kháng

cáo của Ông Đặng Văn K1, Ông Đặng Văn T1, Ông Lê Văn T2 và Ông Nguyễn Văn H1 hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm có thẩm quyền giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính. Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định thẩm quyền giải quyết vụ án này theo thủ tục sơ thẩm là của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận một phần nên Ông Đặng Văn K1, Ông Đặng Văn T1, Ông Lê Văn T2 và Ông Nguyễn Văn H1 không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả Ông Đặng Văn K1, Ông Đặng Văn T1, Ông Lê Văn T2 và Ông Nguyễn Văn H1 số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp.

Án phí hành chính sơ thẩm được quyết định khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính 2015,

1. Hủy toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2017/HCST ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang. Chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí:

Hoàn trả Ông Đặng Văn K1 số tiền án phí hành chính phúc thẩm 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/0002757; hoàn trả Ông Nguyễn Văn H1 số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/0002756; hoàn trả Ông Đặng Văn T1 số tiền án phí hành chính phúc thẩm 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/0002759; hoàn trả Ông Lê Văn T2 số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/0002758 đều ghi ngày 18/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Án phí hành chính sơ thẩm được quyết định lại khi Tòa án giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TA, VKS, CCTHADS huyện L;
- Các đương sự;
- UBND tỉnh Bắc Giang;
- Lưu: HS, THC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Như Hiền

